

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HC-PT
Ngày: 22 - 01 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực
đất đai

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 782/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 92/2022/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức S, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Địa chỉ: số C đường L, khu phố E, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1985; Địa chỉ: khu phố E, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An. (Theo Văn bản ủy quyền 08 tháng 10 năm 2018) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

1. Luật sư Đặng Quang H - Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: E Đ, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Luật sư Nguyễn Vũ Đ – Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (vắng mặt).

Địa chỉ: Lầu A, Tòa nhà P, E Đ, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

2. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân thị xã K, tỉnh Long An).

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn V - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã K (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã K: Ông Dương Tuấn A – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã K.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Đức S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/7/2018, gia đình ông S nhận được Quyết định số 1639/QĐ-UBND và Quyết định số 1640/QĐ-UBND cùng ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý sử dụng. UBND huyện M thu hồi diện tích 1.121m² thuộc một phần thửa số 05, tờ bản đồ số 4-11, diện tích 606m² và một phần thửa số 06, tờ bản đồ số 4-11, diện tích 515m² tọa lạc tại khu phố I, thị trấn M, huyện M (nay là khu phố E, phường A, thị xã K) và phần đất có diện tích 720m², thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 4-11 của ông Nguyễn Đức S để giao đất cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý sử dụng.

Ông S cho rằng các Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 và Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện M

là vi phạm khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 37 Luật Đất đai 2003 về thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Mặc khác, các quyết định này còn vi phạm thẩm quyền quyết định, xét duyệt, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.. Từ những căn cứ trên, ông Nguyễn Đức S khởi kiện yêu cầu hủy:

- Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là UBND thị xã K) về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Đức S để giao đất cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L.

- Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là UBND thị xã K) về việc thu hồi đất của ông (bà): Nguyễn Đức S, để thi công công trình: Giao mốc cho BCHQS tỉnh quản lý (phần bổ sung).

- Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý sử dụng.

- Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý sử dụng.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã K và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã K có ý kiến trình bày tại Công văn số 955/UBND-TNMT ngày 18/9/2018 như sau:

1. Quá trình giải quyết liên quan đến Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc cưỡng chế thu hồi phần đất có diện tích 720m², thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 4-11 đối với ông Nguyễn Đức S:

- Ngày 26/01/2007, UBND tỉnh L ban hành Công văn số 457/UBND-NN về việc cho chủ trương kê biên bồi thường đất và tài sản trên đất cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh L tại Khu phố I, thị trấn M, huyện M, tỉnh Long An.

- Ngày 31/01/2007, Phòng T phối hợp UBND thị trấn M tổ chức niêm yết công khai Công văn số 457/UBND-NN tại trụ sở Phòng T, trụ sở UBND thị trấn M và trụ sở Ban Q.

- Ngày 10/01/2008, UBND huyện M ban hành thông báo thu hồi đất để thực hiện công trình: Giao đất khu vực máy kéo cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý.

- Ngày 03/5/2008, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện M ban hành Phương án số 09/PA-HĐBT về việc bồi thường và hỗ trợ tái định cư công trình: Giao mốc đất khu vực máy kéo cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý tại

Khu phố I, thị trấn M, huyện M. Đồng thời, Phòng T phối hợp UBND thị trấn M đã tổ chức niêm yết công khai Phương án tại trụ sở Phòng T, trụ sở UBND thị trấn M và trụ sở Ban Q.

- Ngày 13/5/2008, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1922/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đền bù để thu hồi đất công trình: Giao đất khu vực máy kéo cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý. Cùng ngày, Phòng T phối hợp UBND thị trấn M tổ chức niêm yết công khai Quyết định số 1922/QĐ-UBND tại trụ sở Phòng T, trụ sở UBND thị trấn M và trụ sở Ban Q.

- Ngày 03/6/2008, UBND huyện M ban hành Quyết định số 2073/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đền bù để thu hồi đất công trình: Giao mốc đất khu vực máy kéo cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý.

- Ngày 05/6/2008, UBND huyện M ban hành Quyết định số 2074/QĐ-UBND (đã đính chính thành Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 theo Công văn số 180/VP. HĐND và UBND-KT ngày 27/11/2017 của Văn phòng HĐND và UBND thị xã) về việc thu hồi 720m² đất của ông Nguyễn Đức S để giao đất cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh L thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 4-11 tại Khu phố I, thị trấn M, huyện M, tỉnh Long An.

- Ngày 12/6/2008, UBND huyện M ban hành Quyết định số 2116/QĐ-UBND (đã đính chính thành Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 05/6/2008 theo Công văn số 180/VP. HĐND và UBND-KT ngày 27/11/2017 của Văn phòng HĐND và UBND thị xã) về việc hỗ trợ bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất, tài sản trên đất hộ ông (bà) Nguyễn Đức S bị ảnh hưởng công trình: Giao mốc đất khu vực máy kéo cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý tại Khu phố I, thị trấn M, huyện M.

- Ngày 10/7/2008, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện M tổ chức công bố quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường và chi trả tiền bồi thường cho ông Nguyễn Đức S, tại cuộc họp, các thành viên tham dự đã đề nghị ông Nguyễn Đức S phải di dời để giao mặt bằng trong thời hạn ba tháng kể từ ngày nhận đủ tiền bồi thường. Cùng ngày, ông Nguyễn Đức S đã viết biên nhận và tờ cam kết đã nhận đủ tiền và cam kết sẽ di dời đúng thời gian quy định.

- Sau khi nhận tiền bồi thường đối với phần diện tích nêu trên, ông Nguyễn Đức S không khiếu nại quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường đối với phần đất có diện tích 720m², thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 4-11.

- Ngày 04/7/2018, Chủ tịch UBND thị xã K ban hành Quyết định số 1639/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi phần đất có diện tích 720m², thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 4-11 đối với ông Nguyễn Đức S.

2. Quá trình giải quyết liên quan Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc cưỡng chế thu hồi tổng diện tích 1.121m^2 gồm: một phần thửa số 05, tờ bản đồ số 4-11, diện tích 606m^2 và một phần thửa số 06, tờ bản đồ số 4-11, diện tích 515m^2 đối với ông Nguyễn Đức S:

- Ngày 10/01/2010, ông Nguyễn Đức S có đơn xin xem xét lại với nội dung yêu cầu UBND huyện M xem xét giải quyết phần diện tích ngoài phần diện tích 720m^2 , thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 4-11 nêu trên.

- Ngày 24/6/2010, UBND thị trấn M phối hợp Hội đồng đền bù làm việc với ông Nguyễn Đức S về nội dung liên quan đơn xin xem xét lại của ông. Tại buổi làm việc ông Nguyễn Đức S đề nghị Nhà nước hoán đổi diện tích đất (loại đất ao) có diện tích tương ứng với diện tích của ông theo hiện tại.

- Ngày 05/7/2010, Phòng T làm việc với ông Nguyễn Đức S. Tại buổi làm việc, Phòng T thông báo kết quả đo đạc diện tích đất còn lại của ông là 1.121m^2 , loại đất nuôi trồng thủy sản. Ông Nguyễn Đức S không đồng ý và cho rằng tổng diện tích đất của ông là 2.400m^2 , trong đó thổ cư của ông là 1.165m^2 (gồm 720m^2 đã bồi thường), phần diện tích còn lại là đất ao.

- Từ diễn biến nêu trên, UBND huyện M xét thấy nội dung đơn ngày 10/01/2010 của ông Nguyễn Đức S là kiến nghị, xem xét nhưng trong quá trình làm việc, ông Nguyễn Đức S đã chuyển sang nội dung khiếu nại liên quan đến đền bù. Vì vậy, ngày 20/12/2010, UBND huyện M ban hành Quyết định số 2543/QĐ-UBND thụ lý đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đức S, cư ngụ khu phố I, thị trấn M về việc khiếu nại đền bù giải tỏa diện tích đất.

- Ngày 13/6/2011, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1474/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức S cư ngụ khu phố I, thị trấn M, huyện M. Qua đó, bác một phần khiếu nại của ông Nguyễn Đức S đối với diện tích 833m^2 và công nhận diện tích 1.121m^2 giao Hội đồng đền bù, hỗ trợ và tái định cư của huyện xem xét đền bù theo khung giá quy định của Nhà nước.

- Ngày 24/6/2011, Thanh tra huyện M phối hợp các ngành tổ chức công bố Quyết định số 1474/QĐ-UBND cho ông Nguyễn Đức S. Tại buổi công bố, ông Nguyễn Đức S đồng ý nhận quyết định và thống nhất nội dung quyết định và đề nghị hoán đổi phần đất khác, không nhận tiền bồi thường.

- Ngày 01/5/2012, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện M ban hành Phương án số 01/PA.HĐBT bồi thường và hỗ trợ các hộ dân bị giải tỏa thu hồi đất và các tài sản trên đất trong phạm vi giải tỏa thi công công trình: Giao mố đất khu vực máy kéo cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý (phần bổ sung)

tại Khu phố I, thị trấn M, huyện M. Ngày 24/7/2012, Phòng T phối hợp UBND thị trấn M niêm yết công khai Phương án tại trụ sở UBND thị trấn M.

- Ngày 28/12/2012, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1518/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ các hộ dân bị giải tỏa thu hồi đất và các tài sản trên đất trong phạm vi giải tỏa thi công công trình: Giao mốc đất khu vực máy kéo cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý (phần bổ sung).

- Ngày 28/12/2012, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1520/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.121m² đất của ông Nguyễn Đức S, để thi công công trình: Giao mốc cho BCHQS tỉnh quản lý phần bổ sung. Cùng ngày, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1519/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông Nguyễn Đức S, ảnh hưởng công trình: Giao mốc khu vực máy kéo cho BCHQS tỉnh quản lý (phần bổ sung).

- Ngày 02/01/2013, Phòng T phối hợp UBND thị trấn M công bố Quyết định số 1520/QĐ-UBND đối với ông Nguyễn Đức S. Tại buổi công bố, ông Nguyễn Đức S không đồng ý nhận quyết định, nội dung quyết định và không ký tên vào biên bản.

- Ngày 05/9/2013, Phòng T phối hợp các ngành tiếp tục làm việc với ông Nguyễn Đức S liên quan đến việc bồi thường, tại buổi làm việc ông Nguyễn Đức S đề nghị Nhà nước hoán đổi đất.

- Ngày 23/10/2015, Phòng T tiếp tục phối hợp các ngành công bố Quyết định số 1520/QĐ-UBND (*do có ý kiến của ông Nguyễn Đức S liên quan đến việc thu hồi đất của ông tại buổi tiếp công dân ngày 10/8/2015*) đối với ông Nguyễn Đức S. Tại buổi công bố, ông Nguyễn Đức S vẫn không đồng ý nhận quyết định, nội dung quyết định và không ký tên vào biên bản. Tuy nhiên, đến ngày 29/6/2016, ông Nguyễn Đức S đến nhận Quyết định số 1520/QĐ-UBND.

- Từ ngày ông Nguyễn Đức S nhận Quyết định số 1520/QĐ-UBND đến nay, UBND thị xã không nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đức S liên quan đến Quyết định số 1520/QĐ-UBND nêu trên.

- Ngày 04/7/2018, Chủ tịch UBND thị xã K ban hành Quyết định số 1640/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi tổng diện tích 1.121m² gồm: một phần thửa số 05, tờ bản đồ số 4-11, diện tích 606m² và một phần thửa số 06, tờ bản đồ số 4-11, diện tích 515m² đối với ông Nguyễn Đức S.

3. Ý kiến về việc ban hành Quyết định số 1639/QĐ-UBND và Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K

- Trước khi ban hành 02 quyết định cưỡng chế nêu trên, UBND thị xã K chỉ đạo các ngành tổ chức vận động rất nhiều lần và đề nghị ông Nguyễn Đức S tự nguyện chấp hành quyết định thu hồi đất đã có hiệu lực pháp luật và tháo dỡ di dời để giao mặt bằng nhưng ông Nguyễn Đức S vẫn không chấp hành (biên bản các ngày 31/8/2015, 09/11/2015, 24/02/2016, 11/7/2016, 07/8/2016).

- Ngày 16/7/2018, Phòng T phối hợp các ngành công bố và giao Quyết định số 1639/QĐ-UBND và Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K cho ông Nguyễn Đức S. Cùng ngày, U niêm yết 02 quyết định nêu trên đúng theo quy định.

4. Nhận xét và kiến nghị

- Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 và Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND huyện M về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Đức S để giao đất cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Luật Đất đai 2003 quy định các trường hợp Nhà nước thu hồi đất và Khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai 2003 quy định thẩm quyền thu hồi đất.

- Hiện nay các quyết định thu hồi đất trên đã hết thời hiệu khởi kiện theo Khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Vì vậy, việc Chủ tịch UBND thị xã ban hành Quyết định số 1639/QĐ-UBND và Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế để thực hiện 02 quyết định thu hồi đất nêu trên là hoàn toàn đúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai 2013 và Khoản 6 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Từ các ý kiến nêu trên, UBND thị xã kiến nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức S.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2019/HC-ST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức S.

Hủy Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý sử dụng và hủy Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý sử dụng

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức S đối với yêu cầu khởi kiện sau hủy Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày

12/6/2008 của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là UBND thị xã K) về việc thu hồi đất của ông: Nguyễn Đức S để giao đất cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L và hủy Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là UBND thị xã K) về việc thu hồi đất của ông (bà): Nguyễn Đức S, để thi công công trình: Giao mốc cho BCHQS tỉnh quản lý (phần bổ sung).

Ngày 25/3/2019, ông Nguyễn Đức S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 27/3/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị. Tại Bản án Hành chính phúc thẩm số 870/2019/HC-PT ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015 tuyên: Hủy bản án Hành chính sơ thẩm số 07/2019/HC-ST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Nhận định cấp sơ thẩm không tổ chức đối thoại là vi phạm tố tụng; Việc tuyên án không rõ ràng, rất khó thực hiện hiện ở giai đoạn thi hành án.

Ngày 11/10/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý lại vụ án. Người khởi kiện ông Nguyễn Đức S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện UBND thị xã K không đồng ý yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; giữ nguyên trình bày như trước đây.

Ngày 20/01/2022, người bị kiện UBND thị xã K có ý kiến bổ sung như sau: Căn cứ khoản 5 Điều 24 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định bồi thường đối với cây trồng vật nuôi:

- Đối với vật nuôi mà tại thời điểm thu hồi đất đã đến thời kỳ thu hoạch thì không phải bồi thường;

- Đối với vật nuôi mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch thì được bồi thường thực tế do phải thu hoạch sớm; trường hợp có thể di chuyển được thì bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra; mức bồi thường cụ thể do UBND cấp tỉnh quy định cho phù hợp với thực tế.

Từ khi UBND huyện M ban hành quyết định thu hồi đất đến nay, ông Nguyễn Đức S vẫn không bàn giao đất đã thu hồi và đã thu hoạch số cá trên nên việc UBND thị xã không bồi thường tài sản trên đất (5.000 con cá 3 tháng tuổi) là hoàn toàn đúng theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 24 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và đối thoại. Các bên không cung cấp thêm chứng cứ gì khác; không đối thoại được. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 92/2022/HC-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức S đối với Chủ tịch UBND thị xã K và của Ủy ban nhân dân huyện M về việc “yêu cầu hủy các quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai”.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức S về việc:

1.1 Hủy Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý sử dụng

1.2. Hủy Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý sử dụng.

1.3. Hủy Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là UBND thị xã K) về việc thu hồi đất của ông: Nguyễn Đức S để giao đất cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L

1.4. Hủy Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là UBND thị xã K) về việc thu hồi đất của ông (bà): Nguyễn Đức S, để thi công công trình: Giao mốc cho BCHQS tỉnh quản lý (phần bổ sung).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/9/2022, người khởi kiện là ông Nguyễn Đức S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Cho rằng việc thu hồi đất của ông S nhưng không bố trí tái định cư và không bồi thường tài sản trên đất của phần đất thủy sản theo Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện M là trái pháp luật. Ông Nguyễn Đức P giữ nguyên yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là UBND thị xã K) về việc thu hồi đất của ông: Nguyễn Đức S để giao đất cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L.

- Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là UBND thị xã K) về việc thu hồi đất của ông (bà): Nguyễn Đức S, để thi công công trình: Giao mốc cho BCHQS tỉnh quản lý (phần bổ sung).

- Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý sử dụng.

- Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý sử dụng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:
Về quyết định thu hồi đất: UBND huyện M - nay là UBND thị xã K, chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất đã ban hành 02 quyết định thu hồi đất số 2116 và 1520 là không đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 53 Nghị định 84 năm 2007 và chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 457 ngày 26/01/2007, cụ thể:

- Chưa công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng quy định tại khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 30 Luật Đất đai năm 2003.

- Chưa có văn bản về chủ trương thu hồi đất và công bố chủ trương thu hồi đất theo Điều 49 Nghị định số 84.

- Chưa có phương án tổng thể và bồi thường hỗ trợ tái định cư của UBND tỉnh theo khoản 2 và khoản 3 Điều 51 Nghị định 84.

- Chưa có quyết định thu hồi đất tổng thể của UBND tỉnh theo Công văn số 457 ngày 26/01/2007 theo khoản 2 Điều 53 Nghị định 84.

Về quyết định cưỡng chế thu hồi đất: Tại khoản 1 Điều 60 Nghị định 84/2007/NĐ-CP, việc thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật Đất đai được thực hiện khi “thực hiện đúng trình tự, thủ tục về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại từ Điều 49 đến Điều 59 Nghị định 84/2007/NĐ-CP. Trường hợp của ông S, UBND huyện M ban hành 02 quyết định cưỡng chế thu hồi đất trong khi chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất là không đúng.

Tại Công văn số 457/UBND-NN ngày 26/01/2007 của UBND tỉnh L (Mục 1) có ghi “kiên quyết không triển khai dự án khi chưa bố trí tái định cư”. UBND huyện M – nay là UBND thị xã K đã vi phạm:

1. Không thực hiện đúng về bồi thường, hỗ trợ:

Về đất diện tích 1.165m² trong đó có 445m², có nguồn gốc sử dụng trước ngày 15/10/1993 nhưng không có giấy hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai và được UBND cấp xã xác nhận đất đó không tranh chấp thì được bồi thường, hỗ trợ về đất thì người đang sử dụng đất được bồi thường đối với diện tích đất thực tế sử dụng (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 44 Nghị định 84/2007) nhưng gia đình ông S không được đền bù, ông S chỉ được đền bù 720m² còn 445m² chưa được bồi thường.

Về tài sản trên đất: Gia đình ông S nuôi 5000 con cá tra mới 03 tháng tuổi chưa đến kỳ thu hoạch nhưng không được bồi thường là vi phạm quy định tại điểm b Khoản 5 Điều 24 Nghị định 197/2004.

2. Không giải quyết tái định cư:

Chủ tịch UBND thị xã K ban hành quyết định 1639, 1640 cưỡng chế thu hồi đất là trái pháp luật, trái với văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn 457.

Từ các lẽ trên, đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy các quyết định thu hồi đất của UBND huyện M (nay là UBND thị xã K) và 02 quyết định cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND thị xã K.

Đại diện cho người khởi kiện ông P cho rằng đến nay thì theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đến năm 2030 của UBND thị xã K thì phần đất bị thu hồi không thuộc quy hoạch của địa phương nữa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ý kiến:

Ngày 12/6/2008, UBND huyện M ban hành Quyết định số 2116/QĐ-UBND. Ngày 10/7/2008, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện M tổ chức công bố quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường và chi trả tiền bồi thường cho ông Nguyễn Đức S. Ông S đã viết biên nhận và tờ cam kết đã nhận đủ tiền và cam kết sẽ di dời đúng thời gian quy định. Sau khi nhận tiền bồi thường đối với phần diện tích nêu trên, ông Nguyễn Đức S không khiếu nại quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường đối với phần đất có diện tích 720m², thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 4-11.

Ngày 28/12/2012, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1520/QĐ-UBND. Ngày 02/01/2013, Phòng T phối hợp UBND thị trấn M công bố Quyết định số 1520/QĐ-UBND đối với ông Nguyễn Đức S. Ông S không đồng ý nhận quyết định, nội dung quyết định và không ký tên vào biên bản. Qua nhiều lần làm việc đến ngày 29/6/2016, ông S đến nhận Quyết định số 1520/QĐ-UBND.

Sau đó ông S cũng không có khiếu nại liên quan đến Quyết định số 1520/QĐ-UBND nêu trên.

Đến ngày 31/7/2018, ông Nguyễn Đức S nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính đối với hai quyết định nói trên tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 116, Luật tổ tụng hành chính 2015. Do ông S không tự nguyện thi hành quyết định hành chính về việc thu hồi đất đã có hiệu lực pháp luật nên Chủ tịch UBND thị xã K ra ban hành Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 và Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý sử dụng.

Theo khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 30 Luật Đất đai năm 2003 là quy định về thẩm quyền lập quy hoạch sử dụng đất. Công văn số 457/UBND-NN ngày 26/01/2007 của UBND tỉnh L là chủ trương thu hồi đất và được niêm yết vào ngày 31/01/2007 tại Trụ sở UBND thị trấn M (nay là U). Điều 51 Nghị định 84 quy định lập, thẩm định và xét duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, theo đó cơ quan phê duyệt có thể là UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện. Đối với trường hợp ông Nguyễn Đức S, UBND huyện M đã ban hành Quyết định 1922 phê duyệt phương án hỗ trợ, đền bù để thu hồi đất công trình: Giao mốc đất khu vực máy kéo cho BCHQS tỉnh quản lý là đúng theo quy định tại Điều 51 Nghị định 84.

Điểm c khoản 1 Điều 53 Nghị định 84 quy định: “Trường hợp khu đất bị thu hồi vừa có thửa đất thuộc thẩm quyền thu hồi của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, vừa có thửa đất thuộc thẩm quyền thu hồi của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thu hồi chung đối với toàn bộ các thửa đất trên khu đất và ra quyết định thu hồi đối với từng thửa đất thuộc thẩm quyền thu hồi của mình”. Như vậy, do khu đất bị thu hồi không có thửa đất thuộc thẩm quyền thu hồi của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nên UBND tỉnh không ban hành quyết định thu hồi đất tổng thể là hoàn toàn đúng theo Điều 53 Nghị định 84.

Quyết định cưỡng chế được ban hành vào ngày 04/7/2018, thời điểm này Nghị định 84 đã không còn hiệu lực và việc ban hành quyết định cưỡng chế là hoàn toàn đúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai 2013 và Khoản 6 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Ngày 12/6/2008, UBND huyện M ban hành Quyết định số 2116/QĐ-UBND (đã đính chính Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 05/6/2008 theo Công văn số 180/VP.HĐND và UBND-KT ngày 27/11/2017 của Văn phòng HĐND và UBND thị xã) về việc hỗ trợ bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất, tài sản trên đất hộ ông (bà) Nguyễn Đức S bị ảnh hưởng công trình:

Giao mốc đất khu vực máy kéo cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý tại Khu phố I, thị trấn M, huyện M với số tiền là 1.165.378.175 đồng, gồm:

+ Bồi thường giá trị tài sản trên đất 61.065.900đ.

+ Các khoản trợ cấp 11.938.000đ.

+ Giá trị quyền sử dụng đất $720\text{m}^2 \times 1.400.000\text{đ}/\text{m}^2$ (đơn giá bồi thường) = 1.008.000.000đ. Trong đó đơn giá bồi thường $1.400.000\text{đ}/\text{m}^2$ được xác định dựa trên giá đất theo Quyết định số 53/2007/QĐ-UBND ngày 19/12/2007 của UBND tỉnh L là 500.000đ và khoản hỗ trợ khác (hỗ trợ tái định cư, tự tìm chỗ ở khác) là 900.000đ.

- Ngày 02/10/2008, ông Nguyễn Đức S được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất thửa số 1011, tờ bản đồ số 4, diện tích 104m^2 , loại đất ở tại đô thị, tại đường L nối dài với số tiền là 89.200.000đ và thửa đất số 1012, tờ bản đồ số 4, diện tích 64m^2 , loại đất ở tại đô thị, tại đường L nối dài với số tiền là 79.600.000đ.

- Như vậy, việc hỗ trợ tái định cư cho ông Nguyễn Đức S đã được tính toán vào số tiền bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đúng theo quy định tại Khoản 3, Điều 42 Luật Đất đai 2003: "...Trường hợp không có khu đất tái định cư người bị thu hồi đất được bồi thường bằng tiền..." và Khoản 3, Điều 4 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 quy định về tái định cư: "Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Nghị định này mà phải di chuyển chỗ ở thì được bố trí tái định cư bằng một trong các hình thức sau:

...

3. Bồi thường bằng tiền để tự lo chỗ ở mới".

Từ các ý kiến và căn cứ pháp lý, UBND thị xã xác định ông Nguyễn Đức S đã nhận số tiền tái định cư (trong phần bồi thường giá trị quyền sử dụng đất) và dùng số tiền đó để đấu giá quyền sử dụng đất (tự lo chỗ ở mới) đúng theo quy định nêu trên.

Đối với phần diện tích 445m^2 , UBND thị xã chưa xác định vị trí và cũng chưa nhận đơn khiếu nại đối với phần diện tích này.

Khoản 5 Điều 24 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi:

"Đối với vật nuôi (nuôi trồng thủy sản) được bồi thường theo quy định sau:

a) Đối với vật nuôi mà tại thời điểm thu hồi đất đã đến thời kỳ thu hoạch thì không phải bồi thường;

b) Đối với vật nuôi mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm; trường hợp có thể di chuyển được thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra; mức bồi thường cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cho phù hợp với thực tế.”

Đồng thời, từ khi UBND huyện M ban hành thu hồi đến nay, ông Nguyễn Đức S vẫn không bàn giao đất đã thu hồi và đã thu hoạch số cá nêu trên nên việc UBND thị xã không bồi thường tài sản trên đất (5.000 con cá 03 tháng tuổi) là hoàn toàn đúng theo Điểm a Khoản 5 Điều 24 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

Quyết định số 1639/QĐ-UBND và Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế để thực hiện 02 quyết định thu hồi đất nêu trên là hoàn toàn đúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai 2013 và Khoản 6 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Hiện, UBND thị xã đang lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và phân đất thu hồi của ông Nguyễn Đức S đã được cập nhật là đất quốc phòng để làm cơ sở giao đất cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

Từ những căn cứ trên, đề nghị bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Quá trình thụ lý xét xử vụ án, Tòa án thực hiện đúng thủ tục tố tụng quy định. Tại phiên tòa xác định đúng người tham gia tố tụng, trong xét xử đảm bảo cho các bên quyền tranh tụng. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định Luật tố tụng hành chính. Về nội dung đối với hai quyết định cưỡng chế: Quyết định số 1639/QĐ-UBND và Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông Nguyễn Đức S. Trước khi ban hành hai quyết định số 1639 và 1640, UBND thị xã K và các ngành đã tổ chức vận động nhiều lần và đề nghị ông S tự nguyện chấp hành Quyết định thu hồi đất số 2116 và 1520 nhưng ông S vẫn không chấp hành. Ngày 04/7/2018, Chủ tịch UBND thị xã K ban hành hai Quyết định số 1639/QĐ-UBND và Quyết định số 1640/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Đức S là hoàn toàn đúng theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cưỡng chế thu hồi đất.

Phía người khởi kiện và Luật sư cho rằng Ủy ban thu hồi đất nhưng không bồi thường nhưng phía người bị kiện chứng minh được đã có bồi thường nhưng

phía ông S không nhận, số tiền bồi thường đã gửi Kho bạc. Về vấn đề vật nuôi, do ông S không hợp tác, không tự nguyện giao đất nên UBND không thực hiện được bồi thường về cá nuôi trong ao. Đến nay thời gian kéo dài, phía ông S liên tục thả cá sau khi thu hoạch. Mặt khác, về cá có thể giải quyết khi bàn giao đất.

Đối với các quyết định khác như Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 05/6/2008 của UBND huyện M và Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND huyện M là những quyết định bồi thường thiệt hại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Trường hợp ông S cho rằng phần bồi thường còn thiếu, ông S có quyền yêu cầu UBND thị xã K tiếp tục ra quyết định bồi thường.

Tóm lại, các Quyết định thu hồi đất được thực hiện đúng theo Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản có liên quan. Từ đó, UBND thị xã K ban hành hai Quyết định số 1639/QĐ-UBND và Quyết định số 1640/QĐ-UBND cưỡng chế là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị căn cứ khoản 1, Điều 241, Luật Tổ tụng hành chính 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đức S, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Đức S trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của người bị kiện là UBND thị xã K và Chủ tịch UBND thị xã K có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng có cử người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định bị kiện:

[2.1.1] Đối với các quyết định thu hồi đất:

- Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là UBND thị xã K) về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Đức S để giao đất cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L.

Ngày 10/7/2008, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện M tổ chức công bố quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường và chi trả tiền bồi thường cho ông Nguyễn Đức S. Ông S đã viết biên nhận và tờ cam kết đã nhận đủ tiền và cam kết sẽ di dời đúng thời gian quy định. Sau khi nhận tiền bồi thường đối với phần diện tích nêu trên, ông Nguyễn Đức S không khiếu nại quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường đối với phần đất có diện tích 720m², thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 4-11.

- Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là UBND thị xã K) về việc thu hồi đất của ông (bà) Nguyễn Đức S, để thi công công trình: Giao mốc cho BCHQS tỉnh quản lý (phần bổ sung).

Ngày 02/01/2013, Phòng T phối hợp UBND thị trấn M công bố Quyết định số 1520/QĐ-UBND đối với ông Nguyễn Đức S. Ông S không đồng ý nhận quyết định, nội dung quyết định và không ký tên vào biên bản. Qua nhiều lần làm việc đến ngày 29/6/2016, ông S đến nhận Quyết định số 1520/QĐ-UBND. Sau đó ông S cũng không có khiếu nại liên quan đến Quyết định số 1520/QĐ-UBND nêu trên.

Từ các tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, người bị kiện ban hành các quyết định về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Đức S để giao đất cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Đất đai 2003 quy định các trường hợp Nhà nước thu hồi đất và khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai 2003 quy định thẩm quyền thu hồi đất.

[2.1.2] Đối với các quyết định cưỡng chế thu hồi đất:

Do ông S không tự nguyện thi hành quyết định hành chính về việc thu hồi đất đã có hiệu lực pháp luật nên Chủ tịch UBND thị xã K ra ban hành Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 và Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý sử dụng. Cụ thể:

- Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý sử dụng.

- Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý sử dụng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trước khi ban hành các quyết định cưỡng chế thu hồi đất, UBND thị xã K và các ngành đã tổ chức vận động nhiều lần và đề nghị ông S tự nguyện chấp hành Quyết định thu hồi đất số 2116 và 1520 nhưng ông S vẫn không chấp hành (biên bản các ngày 31/8/2015, 09/11/2015, 24/02/2016, 11/7/2016, 07/8/2016). Vì vậy, ngày 04/7/2018, Chủ tịch UBND thị xã K ban hành hai Quyết định số 1639/QĐ-UBND và Quyết định số 1640/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Đức S. Ngày 16/7/2018, Phòng T phối hợp các ngành công bố và giao các quyết định nói trên cho ông Nguyễn Đức S. Cùng ngày, U niêm yết 02 quyết định là hoàn toàn đúng theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 6 Điều 17 Nghị định số

43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cưỡng chế thu hồi đất.

[2.2] Về nội dung của các quyết định bị kiện:

UBND huyện M ban hành 2 quyết định thu hồi diện tích 1.121m² thuộc một phần thửa số 05, tờ bản đồ số 4-11, diện tích 606m² và một phần thửa số 06, tờ bản đồ số 4-11, diện tích 515m² tọa lạc tại khu phố I, thị trấn M, huyện M (nay là khu phố E, phường A, thị xã K) và phần đất có diện tích 720m², thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 4-11 của ông Nguyễn Đức S để giao đất cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý sử dụng.

[2.2.1] Về quá trình thực hiện: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do các bên đương sự cung cấp, thể hiện:

1/. Đối với Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc cưỡng chế thu hồi 720 m² đất theo Quyết định thu hồi đất số 2116/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là UBND thị xã K) là đúng thủ tục, thẩm quyền, có căn cứ pháp luật đang và có hiệu lực pháp luật.

- Ngày 26/01/2007, UBND tỉnh L ban hành Công văn số 457/UBND-NN về việc cho chủ trương kê biên bồi thường đất và tài sản trên đất cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh L tại Khu phố I, thị trấn M, huyện M, tỉnh Long An.

- Ngày 31/01/2007, Phòng T phối hợp UBND thị trấn M tổ chức niêm yết công khai Công văn số 457/UBND-NN tại trụ sở Phòng T, trụ sở UBND thị trấn M và trụ sở Ban Q.

- Ngày 10/01/2008, UBND huyện M ban hành thông báo thu hồi đất để thực hiện công trình: Giao đất khu vực máy kéo cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý.

- Ngày 03/5/2008, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện M ban hành Phương án số 09/PA.HĐBT về việc bồi thường và hỗ trợ tái định cư công trình: Giao mốc đất khu vực máy kéo cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý tại Khu phố I, thị trấn M, huyện M. Đồng thời, Phòng T phối hợp UBND thị trấn M đã tổ chức niêm yết công khai Phương án tại trụ sở Phòng T, trụ sở UBND thị trấn M và trụ sở Ban Q.

- Ngày 13/5/2008, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1922/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đền bù để thu hồi đất công trình: Giao đất khu vực máy kéo cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý. Cùng ngày,

Phòng T phối hợp UBND thị trấn M tổ chức niêm yết công khai Quyết định số 1922/QĐ-UBND tại trụ sở Phòng T, trụ sở UBND thị trấn M và trụ sở Ban Q.

- Ngày 03/6/2008, UBND huyện M ban hành Quyết định số 2073/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đền bù để thu hồi đất công trình: Giao mốc đất khu vực máy kéo cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý.

- Ngày 05/6/2008, UBND huyện M ban hành Quyết định số 2074/QĐ-UBND (đã đính chính thành Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 theo Công văn số 180/VP.HĐND và UBND-KT ngày 27/11/2017 của Văn phòng HĐND và UBND thị xã) về việc thu hồi 720m² đất của ông Nguyễn Đức S để giao đất cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh L thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 4-11 tại Khu phố I, thị trấn M, huyện M, tỉnh Long An.

- Ngày 12/6/2008, UBND huyện M ban hành Quyết định số 2116/QĐ-UBND (đã đính chính thành Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 05/6/2008 theo Công văn số 180/VP.HĐND và UBND-KT ngày 27/11/2017 của Văn phòng HĐND và UBND thị xã) về việc hỗ trợ bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất, tài sản trên đất hộ ông (bà) Nguyễn Đức S bị ảnh hưởng công trình: Giao mốc đất khu vực máy kéo cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý tại Khu phố I, thị trấn M, huyện M.

- Ngày 10/7/2008, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện M tổ chức công bố quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường và chi trả tiền bồi thường cho ông Nguyễn Đức S, tại cuộc họp, các thành viên tham dự đã đề nghị ông Nguyễn Đức S phải di dời để giao mặt bằng trong thời hạn ba tháng kể từ ngày nhận đủ tiền bồi thường. Cùng ngày, ông Nguyễn Đức S đã viết biên nhận và tờ cam kết đã nhận đủ tiền và cam kết sẽ di dời đúng thời gian quy định.

- Sau khi nhận tiền bồi thường đối với phần diện tích nêu trên, ông Nguyễn Đức S không khiếu nại quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường đối với phần đất có diện tích 720m², thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 4-11.

Ngày 04/7/2018, Chủ tịch UBND thị xã K ban hành Quyết định số 1639/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi phần đất có diện tích 720m², thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 4-11 đối với ông Nguyễn Đức S.

2/. Quá trình giải quyết liên quan Quyết định số 1640/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi tổng diện tích 1.121m² gồm: một phần thửa số 05, tờ bản đồ số 4-11, diện tích 606m² và một phần thửa số 06, tờ bản đồ số 4-11, diện tích 515m² đối với ông Nguyễn Đức S:

- Ngày 10/01/2010, ông Nguyễn Đức S có đơn xin xem xét lại với nội dung yêu cầu UBND huyện M giải quyết phần diện tích ngoài phần diện tích 720m², thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 4-11 nêu trên.

- Ngày 24/6/2010, UBND thị trấn M phối hợp Hội đồng đền bù làm việc với ông Nguyễn Đức S về nội dung liên quan đơn xin xem xét lại của ông. Tại buổi làm việc ông Nguyễn Đức S đề nghị Nhà nước hoán đổi diện tích đất (loại đất ao) có diện tích tương ứng với diện tích của ông theo hiện tại. Ngày 05/7/2010, Phòng T làm việc với ông Nguyễn Đức S. Tại buổi làm việc, Phòng T thông báo kết quả đo đạc diện tích đất còn lại của ông là 1.121m², loại đất nuôi trồng thủy sản. Ông Nguyễn Đức S không đồng ý và cho rằng tổng diện tích đất của ông là 2.400m², trong đó thổ cư của ông là 1.165m² (gồm 720m² đã bồi thường), phần diện tích còn lại là đất ao.

- Ngày 20/12/2010, UBND huyện M ban hành Quyết định số 2543/QĐ-UBND thụ lý đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đức S, cư ngụ khu phố I, thị trấn M về việc khiếu nại đền bù giải tỏa diện tích đất. Ngày 13/6/2011, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1474/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức S. Qua đó, bác một phần khiếu nại của ông Nguyễn Đức S đối với diện tích 833m² và công nhận diện tích 1.121m² giao Hội đồng đền bù, hỗ trợ và tái định cư của huyện xem xét đền bù theo khung giá quy định của Nhà nước.

- Ngày 24/6/2011, Thanh tra huyện M phối hợp các ngành tổ chức công bố Quyết định số 1474/QĐ-UBND cho ông Nguyễn Đức S. Tại buổi công bố, ông Nguyễn Đức S đồng ý nhận quyết định và thống nhất nội dung quyết định và đề nghị hoán đổi phần đất khác, không nhận tiền bồi thường.

Tại phiên tòa, luật sư và đại diện ủy quyền của ông S cho rằng Ủy ban nhân dân huyện M (nay là UBND thị xã K) khi thu hồi 720 m² đất ở của ông S nhưng không có chính sách bố trí tái định cư. Phía UBND thị xã K chứng minh được rằng đã bồi thường tái định cư bằng tiền tại phần giá trị quyền sử dụng đất ở nông thôn từ 400.000 đồng/m² thành 1.400.000 đồng/m² theo Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 05/6/2008 của UBND huyện M (nay là UBND thị xã K) kèm theo bảng chiết tính. Ông S không nhận tiền là do phía ông S không hợp tác, không phải UBND không bồi thường như tranh luận của Luật sư.

Việc ông S bị thu hồi đất và được bố trí tái định cư bằng tiền là phù hợp quy định của pháp luật, ông S không tự nguyện giao đất nên việc cưỡng chế buộc ông S phải thực hiện quyết định thu hồi đất là phù hợp với quy định của điểm b khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai. Ông S yêu cầu hủy Quyết định số

1639/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K là không có căn cứ.

[4.2] Đối với Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K.

- Ngày 01/5/2012, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện M ban hành Phương án số 01/PA.HĐBT bồi thường và hỗ trợ các hộ dân bị giải tỏa thu hồi đất và các tài sản trên đất trong phạm vi giải tỏa thi công công trình: Giao mốc đất khu vực máy kéo cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý (phần bổ sung) tại Khu phố I, thị trấn M, huyện M. Ngày 24/7/2012, Phòng T phối hợp UBND thị trấn M niêm yết công khai Phương án tại trụ sở UBND thị trấn M.

- Ngày 28/12/2012, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1518/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ các hộ dân bị giải tỏa thu hồi đất và các tài sản trên đất trong phạm vi giải tỏa thi công công trình. Cùng ngày, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1520/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.121m² đất của ông Nguyễn Đức S, để thi công công trình: Giao mốc cho BCHQS tỉnh quản lý phần bổ sung. Bên cạnh đó, UBND huyện M đã ban hành Quyết định số 1519/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông Nguyễn Đức S.

- Ngày 02/01/2013, Phòng T phối hợp UBND thị trấn M công bố Quyết định số 1520/QĐ-UBND đối với ông Nguyễn Đức S. Tại buổi công bố, ông Nguyễn Đức S không đồng ý nhận quyết định, nội dung quyết định và không ký tên vào biên bản. Ngày 05/9/2013, Phòng T phối hợp các ngành tiếp tục làm việc với ông Nguyễn Đức S liên quan đến việc bồi thường, tại buổi làm việc ông Nguyễn Đức S đề nghị Nhà nước hoán đổi đất.

- Ngày 23/10/2015, Phòng T tiếp tục phối hợp các ngành công bố Quyết định số 1520/QĐ-UBND (*do có ý kiến của ông Nguyễn Đức S liên quan đến việc thu hồi đất của ông tại buổi tiếp công dân ngày 10/8/2015*) đối với ông Nguyễn Đức S. Tại buổi công bố, ông Nguyễn Đức S vẫn không đồng ý nhận quyết định, nội dung quyết định và không ký tên vào biên bản. Tuy nhiên, đến ngày 29/6/2016, ông Nguyễn Đức S đến nhận Quyết định số 1520/QĐ-UBND.

- Từ ngày ông Nguyễn Đức S nhận Quyết định số 1520/QĐ-UBND đến nay, UBND thị xã không nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đức S liên quan đến Quyết định số 1520/QĐ-UBND nêu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy, Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là UBND thị xã K) về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Đức S đã có hiệu lực thi hành. Ông Nguyễn Đức S không tự

nguyện chấp hành nên Chủ tịch UBND thị xã K ban hành Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý sử dụng là đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Tuy trong Quyết định trên không giải quyết vấn đề cá gia đình ông S nuôi trong ao nhưng như trình bày của phía người bị kiện, do gia đình ông S không hợp tác, chưa bàn giao đất nên Ủy ban chưa có căn cứ giải quyết về vấn đề cá. Vì thế không thể dựa vào việc này để cho rằng quyết định của Chủ tịch UBND thị xã K là không đúng. Trình bày của phía bị kiện là phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004. Mặt khác, theo Biên bản thẩm định ngày 21/4/2022 của TAND tỉnh Long An số lượng cá hiện nay không xác định được chính xác chủng loại và số lượng do sau khi thu hoạch xong, phía ông S tiếp tục thả cá. Như vậy, dù Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 không đề cập vấn đề cá trong ao cũng không làm thay đổi nội dung bản chất của quyết định hành chính.

[2.3] Đối với các Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 và Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là UBND thị xã K) đều là những quyết định thu hồi đất nhằm mục đích giao lại cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Long An đều đã ban hành đúng trình tự quy định của Luật Đất đai 2003 và các văn bản pháp luật liên quan. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S và phát biểu của Luật sư đề nghị hủy Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 và Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là UBND thị xã K).

Vì vậy, việc người khởi kiện và Luật sư đưa ra lập luận việc thu hồi đất chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất quy định tại điểm d khoản 1 Điều 53 Nghị định 84 năm 2007 và chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 457 ngày 26/01/2007 là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với việc xử lý văn bản hành chính liên quan:

Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã có Công văn số 22/TA-HC ngày 26/11/2018 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh L đề nghị xem xét, xử lý văn bản hành chính đối với Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 26/7/2007 của UBND tỉnh L về phê duyệt đơn giá bồi thường thiệt hại về đất giao Bộ chỉ huy quân sự tỉnh quản lý trên địa bàn thị trấn M, huyện M. Song, hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tòa án nhưng UBND tỉnh L chưa có văn bản có ý kiến về vấn đề này. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Khoản 3 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015 đã áp dụng văn bản của cơ quan quản lý Nhà nước cấp

trên để quyết định theo quy định của khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015. Đến nay khi xét xử lại không có tình tiết gì mới nên giữ nguyên nội dung này là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

Trường hợp người khởi kiện nếu thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng bởi Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 26/7/2007 của UBND tỉnh L về phê duyệt đơn giá bồi thường thiệt hại về đất giao Bộ chỉ huy quân sự tỉnh quản lý trên địa bàn thị trấn M, huyện M thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính khác.

[3] Đối với nội dung phía người khởi kiện đưa ra rằng phía ông S khiếu nại diện tích đất 445m² chưa được giải quyết, thấy: Diện tích đất này nằm ngoài diện tích đất 720m² và 1.121m² bị thu hồi, không liên quan đến các quyết định hành chính bị khiếu kiện. Riêng Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 05/6/2008 của UBND huyện M và Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND huyện M là những quyết định bồi thường thiệt hại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Trường hợp ông S cho rằng phần bồi thường còn thiếu ông S có quyền yêu cầu UBND thị xã K tiếp tục ra quyết định bồi thường.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông S và phát biểu của Luật sư; chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về chi phí thẩm định: 1.600.000 đồng phía ông S phải chịu, đã nộp xong.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đức S không được chấp nhận lẽ ra phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng ông S thuộc diện người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức S. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 92/2022/HC-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức S đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã K và của Ủy ban nhân dân huyện M về việc “yêu cầu hủy các quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai”.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức S về việc:

1.1 Hủy Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý sử dụng

1.2. Hủy Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý sử dụng.

1.3. Hủy Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là UBND thị xã K) về việc thu hồi đất của ông: Nguyễn Đức S để giao đất cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L

1.4. Hủy Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là UBND thị xã K) về việc thu hồi đất của ông (bà): Nguyễn Đức S, để thi công công trình: Giao mốc cho BCHQS tỉnh quản lý (phần bổ sung).

2. Chi phí tố tụng: 1.600.000 đồng, ông Nguyễn Đức S phải chịu, đã nộp xong.

3. Về án phí: Miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm và án phí hành chính sơ thẩm cho ông Nguyễn Đức S.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồ Tâm Tú

Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Nguyễn Đắc Minh